

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
T CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-8-2018.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, T CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tấn Tài;

Ông Nguyễn Hải Hưng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đà Lạ, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, T Cà Mau.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, T Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Tấn T, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ HKTT: ấp A, xã H, huyện U Minh, T Cà Mau.

- Bị đơn: bà Huỳnh Kim Q, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện U Minh, T Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Tấn T trình bày:

Vào năm 1986 gặp nhau tìm hiểu và chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn với bà Q.

- Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thanh M, sinh năm 1988; Trần Thanh N, sinh năm 1990 và Trần Thị Thúy H, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành có gia đình riêng và hiện làm công nhân.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của ông T được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, T Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Huỳnh Kim Q nhưng bà Q không có mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[2] Về nội dung: Theo ông T xác định ông và bà Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ông và bà Q không còn chung sống với nhau vào năm 2007 đến nay. Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà Q. Về thời điểm chung sống ông T trình bày, xét thấy ông T không có tài liệu chứng cứ gì để xác định đã chung sống với nhau từ năm 1986 mà chỉ xác định ông T và bà Q chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn, do có yêu cầu ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Q không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thanh M, sinh năm 1988; Trần Thanh N, sinh năm 1990 và Trần Thị Thúy H, sinh năm 1992. Ông T xác định các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông T xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận ông Trần Tấn T và bà Huỳnh Kim Q là vợ chồng.

2. Về con chung: tên Trần Thanh M, sinh năm 1988; Trần Thanh N, sinh năm 1990 và Trần Thị Thúy H, sinh năm 1992 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Tấn T phải chịu 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai

thu tiền số 0011988 ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, T Cà Mau được chuyển thu án phí khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Ông Trần Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Kim Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, T Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện U Minh, T Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng